



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT**

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 07/2021/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 5 năm 2021  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt

QC/PC/CBTT/01

Lần ban hành: 01

Tháng 5 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT**

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 07 ngày 25 tháng 8 năm 2021  
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt

QC/PC/CBTT/01

Lần ban hành: 01

	Người soạn thảo	Người giám sát	Người phê duyệt
Họ và tên (Chức danh)	Nguyễn Thị Nhẫn (Pháp chế)	Huỳnh Văn Phát (Tổng Giám đốc)	Nguyễn Thị Bích Hồng (TM. Hội đồng quản trị)
Ký tên		 	



## **QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **I. MỤC ĐÍCH**

1. Quy chế này nhằm quy định việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt.
2. Việc công bố thông tin theo Quy chế này nhằm giúp các nhà đầu tư, khách hàng nắm được thực trạng hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt để có cơ sở đánh giá, xem xét thiết lập các quan hệ kinh tế, giao dịch với Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông và những người có liên quan đến Công ty, đồng thời chấp hành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật.

### **II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH**

1. Quy chế này quy định các nguyên tắc, nghĩa vụ công bố thông tin của công ty chứng khoán theo quy định pháp luật được áp dụng tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt.
2. Việc công bố, cung cấp thông tin trong các hoạt động quảng cáo, báo chí, truyền thông nội bộ; cung cấp thông tin trong công tác điều tra, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm,... không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.
3. Việc công bố thông tin liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán được thực hiện theo các quy định pháp luật từng thời kỳ.
4. Việc công bố thông tin liên quan đến việc Công ty là: cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; giao dịch của người nội bộ, người có liên quan của nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan, hướng dẫn của tổ chức phát hành chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán.

### **III. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

1. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.
2. Các Phòng/Ban/Bộ phận tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt.
3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin.

#### **IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành (sau đây gọi tắt là Luật Doanh nghiệp);
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành (sau đây gọi tắt là Luật Chứng khoán);
3. Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (sau đây gọi tắt là Điều lệ);
4. Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
5. Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
6. Các quy định pháp luật và văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

#### **V. THUẬT NGỮ, CHỮ VIẾT TẮT**

1. LVS hoặc Công ty là: Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt.
2. ĐHCĐ hoặc Đại hội đồng cổ đông là: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt
3. HĐQT hoặc Hội đồng quản trị là: Hội đồng quản trị của Công ty Chứng khoán Liên Việt.
4. BKS hoặc Ban kiểm soát là: Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt.
5. Người có liên quan: là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
6. Ngày công bố thông tin: là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 3 Quy chế này.
7. Ngày báo cáo: là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
8. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận: là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

9. Người nội bộ: là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;

Các thuật ngữ, khái niệm không được quy định trong Quy chế này được hiểu theo các quy định trong Điều lệ Công ty, các văn bản nội bộ khác của Công ty hoặc các quy định pháp luật có liên quan tương ứng.

## **VI. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Nguyên tắc công bố thông tin**

- 1.1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
- 1.2. Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty cần công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
- 1.3. Khi công bố thông tin, Công ty đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với đầy đủ các thông tin theo quy định.
- 1.4. Việc công bố thông tin của Công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin do Người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 2 Quy chế này.
- 1.5. Thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo như sau:
  - a) Các thông tin công bố định kỳ được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;
  - b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

### **Điều 2. Người thực hiện công bố thông tin**

Việc công bố thông tin được thực hiện thông qua 01 người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc 01 cá nhân do người đại diện theo pháp luật ủy quyền thực hiện công bố thông tin.

- 2.1. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.
- 2.2. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.

### **Điều 3. Phương tiện công bố thông tin**

3.1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
- d) Các phương tiện thông tin đại chúng (báo in, báo điện tử,...) và phương tiện công bố thông tin khác theo quy định pháp luật.

3.2. Về trang thông tin điện tử của Công ty

- a) Khi lập trang thông tin điện tử, Công ty phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;
- b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung và đăng tải các tài liệu, văn bản đúng các quy định pháp luật liên quan;
- c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3.3. Công ty phải thực hiện công bố thông tin, báo cáo trên các phương tiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

3.4. Khi trở thành công ty chứng khoán thành viên, Công ty thực hiện công bố thông tin, báo cáo trên cả phương tiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

3.5. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

3.6. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

3.7. Công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả

các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

#### **Điều 4. Ngôn ngữ công bố thông tin**

Ngôn ngữ thông tin công bố là tiếng Việt.

#### **Điều 5. Tạm hoãn công bố thông tin**

- 5.1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
- 5.2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

### **VII. NỘI DUNG**

#### **Điều 6. Công bố thông tin định kỳ**

##### **6.1. Công bố thông tin về báo cáo tài chính**

- a) Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo các nguyên tắc mà pháp luật quy định. Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán là trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- b) Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, việc công bố phải thực hiện trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.
- c) Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có). Việc công bố báo cáo tài chính quý phải thực hiện trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Đối với báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có), việc công bố phải thực hiện trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.
- d) Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại điểm a, b, c khoản này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:



- (i) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- (ii) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- (iii) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

6.2. Công ty phải công bố báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6 đã được soát xét và tại ngày 31/12 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận cùng thời điểm với việc công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

#### 6.3. Công bố thông tin về báo cáo thường niên

Công ty phải lập báo cáo thường niên theo mẫu pháp luật quy định và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

#### 6.4. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông thông qua Biên bản họp và nghị quyết.

#### 6.5. Công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty

Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu pháp luật quy định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

### **Điều 7. Công bố thông tin bất thường**

7.1. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
- b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
- c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).
- d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
- e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- f) Quyết định về việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản Công ty; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;
- h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

- i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;
- j) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:
  - Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
  - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;
  - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông; Công ty mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lẻ, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;
- k) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ. Đồng thời, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu pháp luật quy định.
- l) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét.
- m) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;
- n) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
- o) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
- p) Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

- q) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;
- r) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.
- s) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
- t) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.
- u) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

7.2. Ngoài ra, liên quan đến hoạt động đặc thù của công ty chứng khoán, Công ty thực hiện công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với công ty, chi nhánh, người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh; Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
- b) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến người hành nghề chứng khoán của Công ty, chi nhánh Công ty;
- c) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đặt Công ty vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động;
- d) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thành lập, đóng cửa, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước hoặc nước ngoài; thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; thành lập công ty con ở nước ngoài; việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
- e) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán;

lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh;

- f) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về chào bán và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài;
- g) Khi hoàn tất các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để trở thành cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của Công ty;
- h) Khi Công ty tự nguyện chấm dứt, ngừng cung cấp một trong các sản phẩm, dịch vụ, nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
- i) Khi Công ty bị sự cố công nghệ thông tin làm ảnh hưởng đến việc thực hiện giao dịch chứng khoán cho khách hàng.

Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

7.3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

- a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Quy chế này;
- b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

7.4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

- a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;
- b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

7.5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

7.6. Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

#### **Điều 8. Công bố thông tin theo yêu cầu**

- 8.1. Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán khi có thông tin liên quan đến Công ty, chi nhánh ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
- 8.2. Nội dung thông tin công bố quy định tại khoản 1 Điều này phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có).

#### **Điều 9. Công bố thông tin khác của Công ty**

- 9.1. Công ty phải công bố thông tin tại trụ sở chính, các chi nhánh và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty về các nội dung liên quan đến phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp và danh sách những người hành nghề chứng khoán của Công ty.
- 9.2. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn: Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.
- 9.3. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- 9.4. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ: Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.
- 9.5. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công

ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

- 9.6. Ngoài các quy định về công bố thông tin theo Quy chế này, Công ty phải tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán.

### **VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 28./5./2021.
2. Đối với các trường hợp chưa được quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo các quy định khác của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan. Giao cho Tổng Giám đốc được quyền ban hành các văn bản quy định chi tiết để hướng dẫn, cụ thể hóa việc thực hiện Quy chế này trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan. ★
3. Trong văn bản này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc các văn bản pháp luật thay thế chúng. Trường hợp pháp luật có sự thay đổi dẫn đến các nội dung của Quy chế này trái với quy định pháp luật hoặc có những nội dung mà Quy chế này không quy định thì thực hiện theo quy định của pháp luật.
4. Trách nhiệm của các Phòng/Ban/Bộ phận/cá nhân trong Công ty
  - a) Tuân thủ các quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật trong việc công bố thông tin.
  - b) Các Phòng/Ban/Bộ phận/cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các công việc theo chức năng nhiệm vụ của Phòng/Ban hoặc theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.
5. Giao Tổng Giám đốc được quyền ban hành các quy định, hướng dẫn thực hiện nhằm cụ thể hóa việc thực hiện công bố thông tin theo Quy chế này và các quy định pháp luật liên quan.
6. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội đồng quản trị thông qua./.

